

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2025

"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

- Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Thái Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2025/ TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2025/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Sỹ N, sinh năm 1984; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại Cộng hòa liên bang Đức); Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Minh N1, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại Đài Loan); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Lê Sỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Minh N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/02/2012 tại UBND xã Đ (nay là xã T), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2015 anh đi lao động tại Cộng hòa liên bang Đ, năm 2017 anh về Việt Nam một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân, sau đó chị N1 đi lao

động tại Đài Loan cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, mặt khác do khoảng cách địa lý, vợ chồng mỗi người một nơi không có thời gian bên nhau để hàn gắn mâu thuẫn nên dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm và không còn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị [Hoàng Thị Minh N1](#).

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là [Lê Quý V](#), sinh ngày 20/11/2012, hiện nay con đang sống cùng ông bà ngoại là ông [Hoàng Xuân V1](#) và bà [Trần Thị X](#). Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu chị [N1](#) cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị [N1](#) có nguyện vọng trực tiếp nuôi con thì anh đồng ý giao con chung cho chị [N1](#) và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng để từ thời điểm ly hôn cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh [Lê Sỹ N](#) yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết.

Bị đơn chị [Hoàng Thị Minh N1](#) hiện đang làm việc tại Đài Loan, Tòa án đã tiến hành xác minh tại cha đẻ chị là ông [Hoàng Xuân V1](#), sinh năm 1951, trú tại: [Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#) về địa chỉ của chị [N1](#) nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án tiến hành gọi điện qua mạng xã hội cho chị [Hoàng Thị Minh N1](#) do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của chính quyền địa phương và gia đình (ông [Hoàng Xuân V1](#) - cha đẻ, anh [Hoàng Trung K](#) – anh trai) để lấy ý kiến của chị [N1](#) về yêu cầu khởi kiện của anh [Lê Sỹ N](#), nội dung: Chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2017 đến nay chưa về nước lần nào, do chị lao động tự do không ổn định nên không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Chị kết hôn với anh [Lê Sỹ N](#) ngày 06/02/2012, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [xã Đ \(nay là xã T\), huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#). Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường, đến khoảng năm 2016 anh [N](#) sang nước Đức du lịch, sau đó ở lại nước Đức, năm 2017 chị sang Đài Loan lao động, từ đó hai vợ chồng mâu thuẫn, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh [N](#) xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là [Lê Quý V](#), sinh ngày 20/11/2012, hiện nay con đang sống cùng ông bà ngoại là ông [Hoàng Xuân V1](#) và bà [Trần Thị X](#). Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, về mức cấp dưỡng chị đồng ý anh [N](#) cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành. Chị tiếp tục nhờ bố mẹ chị là ông [Hoàng Xuân V1](#) và bà [Trần Thị X](#) chăm sóc cháu [Lê Quý V](#) cho đến khi chị trở về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án chỉ không thể về Việt Nam nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử và uỷ quyền cho anh trai chị là anh [Hoàng Trung K](#), sinh năm 1983, trú tại: [Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#) nhận các văn bản tố tụng của Toà án và thông báo lại cho chị.

Anh [Hoàng Trung K](#) đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Toà án và thông báo lại cho chị [Hoàng Thị Minh N1](#)

Ông [Hoàng Xuân V1](#) và bà [Trần Thị X](#) có đơn đồng ý tự nguyện chăm sóc cháu [Lê Quý V](#), sinh ngày 20/11/2012 trong thời gian chị [N1](#) ở nước ngoài, hiện cháu đang ở với ông bà và được học tập, phát triển tốt.

Cháu [Lê Quý V](#), sinh ngày 20/11/2012 có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về tình cảm: Xử cho anh [Lê Sỹ N](#) ly hôn chị [Hoàng Thị Minh N1](#).

- Về con chung: Giao con chung [Lê Quý V](#), sinh ngày 20/11/2012 cho chị [Hoàng Thị Minh N1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh [Lê sỹ N](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ khi ly hôn đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh [Lê Sỹ N](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh [Lê Sỹ N](#) (trú tại: [thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#)) khởi kiện xin ly hôn chị [Hoàng Thị Minh N1](#), sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [thôn Y, xã H, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh](#). Hiện chị [N1](#) đang lao động tại Đài Loan. Theo công văn số 161/QLXNC- Đ1 ngày 20/02/2025 của [Phòng Q Công an tỉnh H](#) chị [Hoàng Thị Minh N1](#) đã xuất cảnh ngày 24/9/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn chị [Hoàng Thị Minh N1](#) hiện đang ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân chị [Hoàng Thị Minh N1](#). Đồng thời, tiến hành xác minh địa chỉ cụ thể và lấy ý kiến của chị [Hoàng Thị Minh N1](#) đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh [Lê Sỹ N](#) nhưng chị [N1](#) đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt và không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị. Tòa án đã thông báo về việc giải quyết vụ án cho chị [N1](#) trên kênh đối ngoại VOV5 Đài tiếng nói Việt Nam ba lần trong ba ngày liên tiếp từ ngày 24, 25, 26/02/2025 nhưng không có hồi âm của bị đơn. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã mở phiên tòa án định thời gian xét xử lần 1 vào ngày 09/4/2025, lần 2 vào ngày 24/4/2025, tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng chị [N1](#) vẫn vắng mặt và không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi Tòa án. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Anh [Lê Sỹ N](#) vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh [N](#), chị [N1](#) theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh [Lê Sỹ N](#) và chị [Hoàng Thị Minh N1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa anh [N](#) và chị [N1](#) là hợp pháp. Theo lời khai của anh [N](#), vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung, mặt khác do khoảng cách địa lý, vợ chồng mỗi người một nơi không có thời gian bên nhau để hàn gắn mâu thuẫn nên dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm và không còn tình cảm với nhau, anh [N](#) yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị [N1](#). Hội đồng xét xử xét thấy: Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn, hiện mỗi người sống một nơi không có khả năng đoàn tụ. Anh [N](#) và chị [N1](#) không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn

cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh [Lê Sỹ N](#).

[3] Về con chung: Anh [Lê Sỹ N](#) và chị [Hoàng Thị Minh N1](#) có 01 người con chung là [Lê Quý V](#), sinh ngày 20/11/2012, hiện nay con đang sống cùng ông bà ngoại là ông [Hoàng Xuân V1](#) và bà [Trần Thị X](#). Anh [N](#) có nguyện vọng trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và không yêu cầu chị [N1](#) cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị [N1](#) có nguyện vọng trực tiếp nuôi con thì anh đồng ý giao con chung cho chị [N1](#) nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi con trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu [Lê Quý V](#) có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Chị [N1](#) và anh [N](#) hiện nay đều đi làm xa nhà, con đang sống cùng ông bà ngoại. Theo trình bày của bố mẹ chị [N1](#) là ông [Hoàng Xuân V1](#) và bà [Trần Thị X](#), chị [N1](#) có nguyện vọng nuôi con và nhờ bố mẹ chị tiếp tục chăm sóc cháu, ông [V1](#) và bà [X](#) tự nguyện chăm sóc nuôi dưỡng cháu [V](#) đến khi chị [N1](#) về nước có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu [V](#), Hội đồng xét xử giao con chung [Lê Quý V](#) cho chị [N1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh [Lê Sỹ N](#) đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ thời điểm ly hôn đến khi con trưởng thành, Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên, căn cứ chi phí sinh hoạt để nuôi dưỡng con nên chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp. Anh [Lê Sỹ N](#) có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh [Lê Sỹ N](#) phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 39, 227, 228, 469, Điều 474, Điều 477, Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh [Lê Sỹ N](#) ly hôn với chị [Hoàng Thị Minh N1](#).

2. Về con chung: Giao con chung [Lê Quý V](#), sinh ngày 20/11/2012 cho chị [Hoàng Thị Minh N1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh [Lê Sỹ N](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ thời điểm ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh [Lê Sỹ N](#) phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí Toà án số 000002944538 ngày 14/02/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh [N](#) phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Đ,
Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng